

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 537/2024/HC-PT

Ngày: 13-6-2024

*“V/v khiếu kiện quyết định xử
phạt vi phạm hành chính.”*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn An

Các thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Cúc

Ông Trần Văn Đạt

- Thư ký phiên tòa: ông Nguyễn Văn Cường – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: ông Phạm Văn Nhân – Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 1026/2023/TLPT-HC ngày 13 tháng 12 năm 2023 về việc *“khiếu kiện quyết định xử phạt vi phạm hành chính”*. Do Bản án hành chính sơ thẩm số 33/2023/HC-ST ngày 25 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 1539/2024/QĐ-PT ngày 24 tháng 5 năm 2024 giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Ông La Văn T, sinh năm 1978; Địa chỉ: Ấp E, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của ông La Văn T: Ông Vũ Tuấn A, sinh năm 1970 (theo Hợp đồng ủy quyền ngày 17/5/2023); Địa chỉ: Số A, đường C, Phường C, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp (có mặt).

- Người bị kiện: Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Đồng Tháp;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đoàn Thanh B - Chủ tịch (có đơn xin xét xử vắng mặt);

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T: Ông Lê Minh S – Trưởng Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện T (có mặt).

- Người kháng cáo: người khởi kiện ông La Văn T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 19/5/2023 của ông La Văn T và ông Vũ Tuấn A đại diện cho ông T trình bày:

Ngày 26/4/2023, Ủy ban nhân dân (UBND) xã H lập Biên bản số 05/BB-VPHC về 03 hành vi vi phạm trong lĩnh vực thương mại và đất đai đối với ông La Văn T. Cụ thể:

- Hành vi 1: từ 2015 đến 2018, ông T đã tàng trữ 62.649m³ cát tại 4 thửa đất: thửa đất 17 và 18 tờ bản đồ số 31; thửa số 41 tờ bản đồ số 28; do ông T đứng tên đất; và thửa đất 35, tờ bản đồ số 31 do ông La Văn T1 (là cha của ông T) đứng tên đất. Các thửa đất cùng tọa lạc tại ấp D, xã H, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

- Hành vi 2: từ 2018, ông T đã sử dụng 13.299m² đất rừng sản xuất tại thửa đất 17 và 18, cùng tờ bản đồ số 31 vào mục đích làm nơi chứa cát.

- Hành vi 3: từ 2018, ông T đã sử dụng 338,8m² đất chuyên trồng lúa nước tại thửa đất 41, tờ bản đồ số 28 vào mục đích làm nơi chứa cát.

Ngày 09/5/2023, Chủ tịch UBND huyện T ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 198/QĐ-XPVPHC đối với ông T, trong đó:

- Hành vi 1: hình thức xử phạt chính: phạt tiền: 45.000.000 đồng; hình thức xử phạt bổ sung: tịch thu 62.649m³ cát.

- Hành vi 2: hình thức xử phạt chính: phạt tiền: 75.000.000 đồng; hình thức xử phạt bổ sung: không; biện pháp khắc phục hậu quả: buộc khôi phục lại tình trạng đất ban đầu và nộp lại số lợi bất hợp pháp: 18.700.822 đồng.

- Hành vi 3: hình thức xử phạt chính: phạt tiền: 4.000.000 đồng; biện pháp khắc phục hậu quả: buộc khôi phục lại tình trạng đất ban đầu và nộp lại số lợi bất hợp pháp: 914.760 đồng.

Nay ông T không đồng ý với Quyết định 198 vì các lý do sau: theo điểm a khoản 1 Điều 6 Luật xử lý vi phạm hành chính quy định thì thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính là 01 năm, trừ một số trường hợp khác nhưng thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính cũng không quá 02 năm.

Theo điểm b khoản 1 Điều 6 Luật xử lý vi phạm hành chính quy định: đối với vi phạm hành chính đã kết thúc thì thời hiệu được tính từ thời điểm chấm dứt hành vi vi phạm.

Điều a khoản 1 Điều 8 Nghị định 118/2021/NĐ-CP ngày 23/12/2021 của Chính phủ quy định: “*Hành vi vi phạm hành chính đã kết thúc là hành vi được thực hiện một lần hoặc nhiều lần và có căn cứ xác định hành vi đã thực hiện xong trước thời điểm cơ quan, người có thẩm quyền phát hiện vi phạm hành chính*”.

Tại Quyết định 198/QĐ-XPVPHC đã xác định hành vi tàng trữ cát và sử dụng đất không đúng mục đích được ông T thực hiện từ năm 2015, kết thúc năm 2018, đến ngày 21/3/2023 mới bị phát hiện đã là 05 năm, vì thế không còn thời hiệu để xử phạt vi phạm hành chính đối với ông T.

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 65 Luật xử lý vi phạm hành chính thì khi hết thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính quy định tại Điều 6 thuộc trường hợp không ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính.

Căn cứ các quy định pháp luật nêu ở trên, ông T yêu cầu Tòa án giải quyết hủy Quyết định số 198/QĐ-XPVPHC ngày 09/5/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Đồng Tháp về xử phạt vi phạm hành chính đối với ông T.

- *Chủ tịch UBND huyện T có văn bản ý kiến số 5083/UBND-NC ngày 21/7/2023 trình bày:*

Không chấp nhận yêu cầu của ông La Văn T về việc yêu cầu hủy bỏ Quyết định số 198/QĐ-XPVPHC ngày 09/5/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T về việc xử phạt vi phạm hành chính với lý do: việc Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với ông La Văn T là phù hợp với quy định.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 33/2023/HC-ST, ngày 25 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp tuyên xử:

Căn cứ: Điều 30, Điều 32, điểm a khoản 2 Điều 116, Điều 157, khoản 1 Điều 158, Điều 193, Điều 348 của Luật tổ tụng hành chính 2015;

Các Điều 38, 52, 57, 58, 59, 60, 61, 66, 67, 68, 70 của Luật xử lý vi phạm hành chính sửa đổi bổ sung năm 2020;

Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai;

Nghị định số 98/2020/NĐ-CP ngày 26/8/2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động thương mại, sản xuất, buôn bán hàng giả, hàng cấm và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng;

Khoản 1 Điều 32 của Nghị quyết số 326/2016/TUBT QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Bác yêu cầu khởi kiện của ông La Văn T đối với yêu cầu hủy Quyết định 198/QĐ-XPVPHC ngày 09/5/2023 về xử phạt vi phạm hành chính của Chủ tịch UBND huyện T.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 06/10/2023 người khởi kiện ông La Văn T kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

- *Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện ông Vũ Tuấn A trình bày:* biên bản vi phạm hành chính xác định không đúng người vi phạm ở thửa số 35, chủ sử dụng đất là ông T1, cha của ông T và người tàng trữ cát cũng là ông T1. Biên bản vi phạm hành chính căn cứ vào biên bản làm việc nhưng biên bản làm việc thì không có thửa 41 mà biên bản vi phạm lại có thêm thửa 41. Ngoài ra, diện tích xử phạt vi phạm hành chính cũng không đúng diện tích theo biên bản vi phạm hành chính. Việc ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính dựa vào các căn cứ bên trên là có nhiều sai phạm, không đầy đủ. Nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo, sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T.

- Người bảo vệ quyền lợi cho người bị kiện không tranh luận và giữ nguyên quan điểm như đã trình bày từ cấp sơ thẩm và qua các văn bản đã ban hành của người bị kiện; đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:*

Về thủ tục tố tụng: từ khi thụ lý đến khi đưa vụ án ra xét xử, Tòa án đã tiến hành đúng quy định của pháp luật; tại phiên tòa người tham gia tố tụng chấp hành đúng quy định pháp luật tố tụng hành chính.

Về nội dung vụ án: hành vi của ông La Văn T là vi phạm các quy định của pháp luật về tàng trữ khoáng sản trái phép. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T ra quyết định xử phạt là đúng trình tự, thủ tục theo quy định. Tòa án cấp sơ thẩm tuyên xử bác yêu cầu khởi kiện là có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm, quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Đơn kháng cáo của người khởi kiện ông La Văn T còn trong hạn luật định và hợp lệ nên được Hội đồng xét xử xem xét, giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[1.2] Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện hợp pháp của người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên căn cứ Điều 225 Luật tố tụng hành chính, Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung:

[2.1] Từ năm 2015 và từ năm 2018, ông La Văn T đã có hành vi sử dụng đất không đúng mục đích mà không được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép để dùng vào việc tàng trữ khoáng sản (cát) không có nguồn gốc hợp pháp, tại phần đất thuộc các thửa đất số 17, 18, tờ bản đồ số 31; thửa số 41 tờ bản đồ số 28, do ông T đứng tên; và thửa số 35 tờ bản đồ số 31, do ông La Văn T1 đứng tên, đều tọa lạc tại ấp D, xã H, huyện T, tỉnh Đồng Tháp; với tổng khối lượng thực tế 62.010m³, có giá trị 9.101.772.018 đồng. Đến ngày 21/3/2023 thì bị Tổ Kiểm tra liên ngành huyện T phát hiện.

[2.2] Ngày 09/5/2023, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T ban hành Quyết định số 198/QĐ-XPVPHC về xử phạt vi phạm hành chính đối với ông La Văn T: hình thức xử phạt chính (phạt tiền) và biện pháp khắc phục hậu quả với tổng số tiền phạt là 124.000.000 đồng, hình thức xử phạt bổ sung: tịch thu 62.649m³ khoáng sản (cát); biện pháp khắc phục hậu quả: tổng số tiền thu lợi bất chính phải nộp là 19.615.582 đồng, khôi phục tình trạng ban đầu các thửa đất vi phạm.

Ông T không đồng ý nên khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định số 198/QĐ-XPVPHC ngày 09/5/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T về xử phạt vi phạm hành chính.

[3] Xét kháng cáo của ông La Văn T

[3.1] Trình tự thủ tục đối với việc ban hành Quyết định 198/QĐ-XPVPHC ngày 09/5/2023 về xử phạt vi phạm hành chính của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T.

- Ngày 16/3/2023, Công an xã T, huyện T lập biên bản làm việc với ông La Văn T.

- Ngày 20/3/2023, UBND huyện T ban hành Quyết định số 1955 về việc thành lập tổ kiểm tra liên ngành, kiểm tra việc chấp hành pháp luật trong hoạt động khoáng sản (cát) tại xã H, huyện T.

- Ngày 21/3/2023, Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện T lập biên bản làm việc với ông La Văn T.

- Ngày 29/3/2023, lập biên bản tạm giữ tang vật, phương tiện vi phạm hành chính, giấy phép, chứng chỉ hành nghề.

- Ngày 29/3/2023, lập biên bản niêm phong tang vật, phương tiện vi phạm hành chính bị tạm giữ theo thủ tục hành chính.

- Ngày 29/3/2023, lập biên bản xác định giá trị tang vật, phương tiện vi phạm hành chính.

- Ngày 30/3/2023, UBND xã H, huyện T ban hành văn bản số 157/UBND về việc đề nghị ban hành quyết định tạm giữ tang vật, phương tiện vi phạm hành chính, giấy phép, chứng chỉ hành nghề.

- Ngày 30/3/2023, Chủ tịch UBND huyện T ban hành Quyết định tạm giữ tang vật, phương tiện vi phạm hành chính, giấy phép, chứng chỉ hành nghề.

- Ngày 30/3/2023, Chủ tịch UBND huyện T ban hành Quyết định số 2281/QĐ-TCGD về việc trưng cầu giám định.

- Ngày 12/4/2023, Chủ tịch UBND huyện T ban hành Quyết định số 2367/QĐ-KDTG về việc kéo dài thời hạn tạm giữ tang vật, phương tiện vi phạm hành chính.

- Ngày 26/4/2023, Chủ tịch UBND xã H, huyện T lập Biên bản số 15/BB-VPHC vi phạm hành chính về hoạt động thương mại, sản xuất, buôn bán hàng giả, hàng cấm và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng và lĩnh vực đất đai.

- Ngày 09/5/2023, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T ban hành Quyết định số 198/QĐ-XPVPHC về xử phạt vi phạm hành chính.

[3.2] Về nội dung của quyết định xử phạt vi phạm hành chính 198/QĐ-XPVPHC:

Xét thấy, hành vi tàng trữ khoáng sản (cát) của ông T là đang diễn ra, khi lập biên bản vi phạm hành chính thì số lượng cát vẫn còn trên phần đất của ông T. Căn cứ các quy định tại Điều 6 Luật xử lý vi phạm hành chính; điểm d khoản 1, khoản 11 Điều 17 và khoản 13 Điều 17 của Nghị định số 98/2020/NĐ-CP ngày 26/8/2020 của Chính phủ thì Chủ tịch UBND huyện T ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với ông T về hành vi tàng trữ và tịch thu khối lượng cát tàng trữ là khoáng sản không có hóa đơn chứng từ và nguồn gốc là phù hợp và đúng quy định của pháp luật.

Việc ông T cho rằng hành vi của ông T là tích trữ cát nhưng đã kết thúc vào năm 2018, đã quá thời hiệu xử phạt theo quy định; cát không phải là tài sản cấm lưu hành nên không thể bị tịch thu và ông T tích trữ cát để sử dụng cho gia đình, không có mua bán cát nên Chủ tịch UBND huyện T ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với ông là không đúng là không có cơ sở.

[4] Tại cấp phúc thẩm, ông La Văn T1 (cha của ông La Văn T) có bản ghi ý kiến đề ngày 24/4/2024 cho rằng trong sổ diện tích đất và cát bị xử lý thì diện tích thuộc thửa số 35, tờ bản đồ số 31 và khối lượng cát 21.517m^3 trữ trên thửa đất này là của ông chứ không phải của ông T. Cơ quan có thẩm quyền không làm việc với ông mà xử lý trách nhiệm toàn bộ cho ông T là không đúng nên đề nghị Tòa án Hủy quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với khối lượng cát 21.517m^3 nói trên. Xét thấy trong quá trình cơ quan có thẩm quyền lập biên bản xử lý, ban hành các quyết định và tại cấp sơ thẩm, ông T đều thừa nhận diện tích thửa đất số 35 là đất của ông T1, số cát trên đất là của ông mua về chứa và khi Chủ tịch UBND huyện T ban hành Quyết định số 198 thì ông cũng không khiếu nại về khối lượng cát tồn tại trên đất. Ông T1 cho rằng khối lượng cát trên là của ông nhưng ngoài lời trình bày thì ông T1 không có căn cứ nào khác để chứng minh. Việc khối lượng cát 21.517m^3 tích trữ trên diện tích đất thuộc thửa số 35, tờ bản đồ số 31; được cấp quyền sử dụng hợp pháp cho ông T1 nhưng cơ quan có thẩm quyền không tiến hành xác minh, làm rõ trách nhiệm để xử lý theo quy định là có thiếu sót. Tuy nhiên, Chủ tịch UBND huyện T ban hành quyết định xử lý hành chính đối với ông La Văn T về hành vi sử dụng đất không đúng mục đích và xử lý tài sản trên đất là khoáng sản không có nguồn gốc chứ không phải thu hồi đất. Tổng số lượng cát bị xử phạt và diện tích đất sử dụng ông T đều thừa nhận. Như vậy, đặt giả sử có cơ sở chứng minh khối lượng cát trên là của ông T1 thì cơ quan có thẩm quyền cũng sẽ xử phạt ông La Văn T1 giống như hành vi của ông T, điều này không có lợi cho ông T1. Do đó, ý kiến của ông T1 là không có cơ sở để chấp nhận.

Ngoài ra, người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện còn cho rằng diện tích xử phạt vi phạm hành chính trong Quyết định xử phạt cũng không đúng diện tích theo biên bản vi phạm hành chính. Căn cứ vào biên bản về việc xác minh hiện trạng sử dụng đất, sơ đồ hiện trạng thửa số 17, 18 tờ bản đồ số 31 của ông La Văn T do người bị kiện cung cấp thì toàn bộ diện tích đất theo Quyết định xử phạt hành chính là phù hợp, vì ngoài diện tích chứa cát 9.706m^2 thì hộ ông La Văn T đã tiến hành đắp bờ bao xung quanh, độ cao trung bình tính từ mặt ruộng là từ 1,3m đến 2,8m; mặt bờ rộng từ 2m đến 3m và đắp phần má taluy hết ranh đất đang sử dụng có diện tích toàn bộ là $3.593,5\text{m}^2$ để tích trữ khối lượng 40.309m^3 cát. Vì vậy, Quyết định xử phạt vi phạm hành chính của Chủ tịch UBND huyện T là phù hợp và đúng với diện tích đất ông T sử dụng trái phép. Quan điểm của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là không có cơ sở.

[5] Từ những phân tích nêu trên, xét Tòa án cấp sơ thẩm bác yêu cầu khởi kiện của ông La Văn T là có căn cứ, đúng pháp luật; Ông La Văn T yêu cầu hủy

Quyết định 198/QĐ-XPVPHC ngày 09/5/2023 về xử phạt vi phạm hành chính của Chủ tịch UBND huyện T là không có cơ sở. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện ông La Văn T, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[6] Quan điểm của người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện là không có cơ sở nên không được chấp nhận.

[7] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tham gia phiên tòa là phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[8] Án phí hành chính phúc thẩm: do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận nên ông La Văn T phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 điều 241 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/TUBT QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện ông La Văn T; giữ nguyên bản án hành chính sơ thẩm số 33/2023/HC-ST ngày 25 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

2. Án phí hành chính phúc thẩm: ông La Văn T phải chịu 300.000 đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0003296 ngày 06/10/2023 của Cục Thi hành án Dân sự tỉnh Đồng Tháp.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Cúc

Trần Văn Đạt

Lê Văn An